

**DANH SÁCH CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ**
*Hiệu lực từ ngày 08 tháng 09 năm 2026*

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                                   | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|---------------------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                                           | (6)               |
| 1   | AAA   | HOSE | Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh                             | 40                |
| 2   | ACB   | HOSE | Ngân hàng TMCP Á Châu                                         | 50                |
| 3   | AGG   | HOSE | Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản An Gia      | 40                |
| 4   | AGR   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank                          | 40                |
| 5   | ANV   | HOSE | Công ty Cổ phần Nam Việt                                      | 50                |
| 6   | ASM   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Sao Mai                              | 20                |
| 7   | AST   | HOSE | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Taseco                     | 30                |
| 8   | BAB   | HNX  | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bắc Á                            | 30                |
| 9   | BAF   | HOSE | Công ty cổ phần Nông nghiệp BAF Việt Nam                      | 50                |
| 10  | BCM   | HOSE | Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP      | 50                |
| 11  | BFC   | HOSE | Công ty Cổ phần Phân bón Bình Điền                            | 40                |
| 12  | BIC   | HOSE | Tổng Công ty Bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam | 30                |
| 13  | BID   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam    | 50                |
| 14  | BMP   | HOSE | Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh                                | 50                |
| 15  | BSI   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV                              | 50                |
| 16  | BSR   | HOSE | CTCP Lọc Hóa dầu Bình Sơn                                     | 50                |
| 17  | BVH   | HOSE | Tập đoàn Bảo Việt                                             | 50                |
| 18  | BVS   | HNX  | Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt                          | 50                |
| 19  | BWE   | HOSE | Công ty CP – Tổng Công ty Nước – Môi trường Bình Dương        | 50                |
| 20  | CDC   | HOSE | Công ty Cổ phần Chương Dương                                  | 40                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                            | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|--------------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                                    | (6)               |
| 21  | CEO   | HNX  | CTCP Tập đoàn C.E.O                                    | 50                |
| 22  | CHP   | HOSE | Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung                   | 40                |
| 23  | CII   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM         | 50                |
| 24  | CMG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ CMC                 | 40                |
| 25  | CSM   | HOSE | Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su Miền Nam            | 30                |
| 26  | CSV   | HOSE | Công ty Cổ phần Hóa chất cơ bản miền Nam               | 50                |
| 27  | CTD   | HOSE | Công ty Cổ phần Xây dựng COTECCONS                     | 50                |
| 28  | CTG   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam      | 50                |
| 29  | CTI   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO    | 30                |
| 30  | CTR   | HOSE | Tổng Công ty cổ phần Công trình Viettel                | 50                |
| 31  | CTS   | HOSE | Công ty cổ phần Chứng khoán Vietinbank                 | 50                |
| 32  | D2D   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp số 2     | 30                |
| 33  | DBC   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam               | 50                |
| 34  | DBD   | HOSE | Công ty Cổ phần Dược - Trang thiết bị Y tế Bình Định   | 40                |
| 35  | DCL   | HOSE | Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long                     | 40                |
| 36  | DCM   | HOSE | Công ty Cổ phần - Tổng Công ty Phân bón Dầu khí Cà Mau | 50                |
| 37  | DGW   | HOSE | Công ty Cổ phần Thế Giới Số                            | 50                |
| 38  | DHA   | HOSE | Công ty Cổ phần Hóa An                                 | 40                |
| 39  | DHC   | HOSE | Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre                       | 40                |
| 40  | DHG   | HOSE | Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang                         | 50                |
| 41  | DIG   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng        | 50                |
| 42  | DMC   | HOSE | Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế DOMESCO            | 30                |
| 43  | DNP   | HNX  | Công ty cổ phần DNP Holding                            | 30                |
| 44  | DP3   | HNX  | CTCP Dược phẩm Trung ương 3                            | 20                |
| 45  | DPG   | HOSE | Công ty cổ phần Tập đoàn Đạt Phương                    | 50                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                                 | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|-------------------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                                         | (6)               |
| 46  | DPM   | HOSE | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần | 50                |
| 47  | DPR   | HOSE | Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú                             | 50                |
| 48  | DRC   | HOSE | Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng                              | 20                |
| 49  | DSE   | HOSE | Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE                            | 40                |
| 50  | DSN   | HOSE | Công ty Cổ phần Công viên nước Đầm Sen                      | 50                |
| 51  | DTD   | HNX  | CTCP Đầu tư Phát triển Thành Đạt                            | 40                |
| 52  | DVP   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ           | 40                |
| 53  | DXG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đất Xanh                           | 50                |
| 54  | DXP   | HNX  | CTCP Cảng Đoạn Xá                                           | 40                |
| 55  | DXS   | HOSE | Công ty cổ phần Dịch vụ Bất động sản Đất Xanh               | 40                |
| 56  | EIB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam        | 50                |
| 57  | ELC   | HOSE | Công ty cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom                | 40                |
| 58  | EVF   | HOSE | Công ty Tài chính Tổng hợp Cổ phần Điện lực                 | 50                |
| 59  | FCN   | HOSE | Công ty Cổ phần FECON                                       | 20                |
| 60  | FPT   | HOSE | Công ty Cổ phần FPT                                         | 50                |
| 61  | FRT   | HOSE | Công ty Cổ phần Bán lẻ Kỹ thuật số FPT                      | 50                |
| 62  | FTS   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán FPT                             | 50                |
| 63  | GAS   | HOSE | Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần                 | 50                |
| 64  | GEE   | HOSE | Công ty cổ phần Điện lực Gelex                              | 50                |
| 65  | GEG   | HOSE | Công ty Cổ phần Điện Gia Lai                                | 40                |
| 66  | GEX   | HOSE | Công ty cổ phần Tập đoàn GELEX                              | 50                |
| 67  | GMD   | HOSE | Công ty Cổ phần GEMADEPT                                    | 50                |
| 68  | GVR   | HOSE | Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam - Công ty cổ phần      | 50                |
| 69  | HAG   | HOSE | Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai                           | 50                |
| 70  | HAH   | HOSE | Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An                    | 50                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                                     | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|-----------------------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                                             | (6)               |
| 71  | HCM   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh               | 50                |
| 72  | HDB   | HOSE | Ngân hàng TMCP Phát triển TP.Hồ Chí Minh                        | 50                |
| 73  | HDC   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa – Vũng Tàu                | 40                |
| 74  | HDG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô                                  | 50                |
| 75  | HGM   | HNX  | Công ty Cổ phần Cơ khí và Khoáng sản Hà Giang                   | 20                |
| 76  | HHP   | HOSE | Công ty cổ phần HHP GLOBAL                                      | 20                |
| 77  | HHS   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy                        | 40                |
| 78  | HHV   | HOSE | CTCP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả                           | 50                |
| 79  | HPG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát                               | 50                |
| 80  | HPX   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Phát                                 | 30                |
| 81  | HQC   | HOSE | Công ty Cổ phần Tư vấn – Thương mại – Dịch vụ Địa ốc Hoàng Quân | 20                |
| 82  | HSG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen                                | 50                |
| 83  | HT1   | HOSE | CTCP Xi măng Vicem Hà Tiên                                      | 40                |
| 84  | HTN   | HOSE | Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Incons                               | 30                |
| 85  | HUT   | HNX  | CTCP Tasco                                                      | 50                |
| 86  | HVH   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ HVC                         | 20                |
| 87  | IDC   | HNX  | Tổng Công ty IDICO - CTCP                                       | 50                |
| 88  | IDI   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Đa Quốc Gia I.D.I          | 30                |
| 89  | IJC   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật                     | 40                |
| 90  | IMP   | HOSE | Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm                             | 50                |
| 91  | IPA   | HNX  | CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A                                      | 30                |
| 92  | KBC   | HOSE | Tổng Công ty Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – Công ty Cổ phần       | 50                |
| 93  | KDC   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido                                   | 50                |
| 94  | KDH   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Nhà Khang Điền             | 50                |
| 95  | KHG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Khải Hoàn Land                         | 50                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                       | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|---------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                               | (6)               |
| 96  | KSB   | HOSE | Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Bình Dương | 40                |
| 97  | KSF   | HNX  | Công ty cổ phần Tập đoàn Sunshine                 | 50                |
| 98  | KSV   | HNX  | Tổng Công ty Khoáng Sản TKV - CTCP                | 50                |
| 99  | L14   | HNX  | CTCP Licogi 14                                    | 20                |
| 100 | LAS   | HNX  | CTCP Supe Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao          | 20                |
| 101 | LCG   | HOSE | Công ty cổ phần LIZEN                             | 20                |
| 102 | LHC   | HNX  | CTCP Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi Lâm Đồng         | 40                |
| 103 | LHG   | HOSE | Công ty Cổ phần Long Hậu                          | 20                |
| 104 | LPB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại cổ phần Lộc Phát Việt Nam    | 50                |
| 105 | MBB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội             | 50                |
| 106 | MBS   | HNX  | Công ty Cổ phần Chứng khoán MB                    | 50                |
| 107 | MCH   | HOSE | CTCP Hàng tiêu dùng Masan                         | 50                |
| 108 | MCM   | HOSE | Công ty cổ phần Giống bò sữa Mộc Châu             | 30                |
| 109 | MIG   | HOSE | Tổng Công ty cổ phần Bảo Hiểm Quân Đội            | 40                |
| 110 | MSB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng Hải Việt Nam    | 50                |
| 111 | MSH   | HOSE | Công ty Cổ phần May Sông Hồng                     | 40                |
| 112 | MSN   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn MaSan                    | 50                |
| 113 | MWG   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động           | 50                |
| 114 | NAB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại cổ phần Nam Á                | 50                |
| 115 | NAF   | HOSE | Công ty Cổ phần Nafoods Group                     | 50                |
| 116 | NCT   | HOSE | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài          | 40                |
| 117 | NDN   | HNX  | CTCP Đầu tư phát triển Nhà Đà Nẵng                | 30                |
| 118 | NKG   | HOSE | Công ty Cổ phần Thép Nam Kim                      | 50                |
| 119 | NLG   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Long                   | 50                |
| 120 | NNC   | HOSE | Công ty Cổ phần Đá Núi Nhỏ                        | 30                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                         | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|-----------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                                 | (6)               |
| 121 | NT2   | HOSE | Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2       | 50                |
| 122 | NTC   | HOSE | CTCP Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên                   | 40                |
| 123 | NTL   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Từ Liêm           | 30                |
| 124 | NTP   | HNX  | CTCP Nhựa Thiếu niên- Tiền Phong                    | 50                |
| 125 | NVL   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va        | 50                |
| 126 | OCB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại cổ phần Phương Đông            | 50                |
| 127 | OPC   | HOSE | Công ty Cổ phần Dược phẩm OPC                       | 50                |
| 128 | ORS   | HOSE | Công ty cổ phần chứng khoán Tiên Phong              | 50                |
| 129 | PAC   | HOSE | Công ty Cổ phần PinẮc quy miền Nam                  | 40                |
| 130 | PAN   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN                        | 50                |
| 131 | PC1   | HOSE | Công ty cổ phần Tập đoàn PC1                        | 50                |
| 132 | PDR   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Bất động sản Phát Đạt    | 50                |
| 133 | PET   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí       | 40                |
| 134 | PGV   | HOSE | Tổng Công ty Phát điện 3 - Công ty cổ phần          | 30                |
| 135 | PHR   | HOSE | Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa                    | 50                |
| 136 | PLC   | HNX  | Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP              | 20                |
| 137 | PLX   | HOSE | Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam                          | 50                |
| 138 | PNJ   | HOSE | Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận           | 50                |
| 139 | POW   | HOSE | Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - CTCP       | 50                |
| 140 | PPC   | HOSE | Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại                  | 20                |
| 141 | PTB   | HOSE | Công ty Cổ phần Phú Tài                             | 40                |
| 142 | PVC   | HNX  | Tổng công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP     | 40                |
| 143 | PVD   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí | 50                |
| 144 | PVI   | HNX  | CTCP PVI                                            | 50                |
| 145 | PVP   | HOSE | CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương                | 40                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                               | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|-----------------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                                       | (6)               |
| 146 | PVS   | HNX  | Tổng CTCP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam               | 50                |
| 147 | PVT   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí                      | 50                |
| 148 | QCG   | HOSE | Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai                        | 40                |
| 149 | REE   | HOSE | Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh                              | 50                |
| 150 | S99   | HNX  | Công ty cổ phần SCI                                       | 20                |
| 151 | SAB   | HOSE | Tổng Công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn  | 50                |
| 152 | SAM   | HOSE | Công ty Cổ phần SAM Holdings                              | 40                |
| 153 | SAV   | HOSE | Công ty Cổ phần Hợp tác Kinh tế và Xuất nhập khẩu Savimex | 20                |
| 154 | SBG   | HOSE | Công ty cổ phần Tập đoàn Cơ khí Công nghệ cao Siba        | 40                |
| 155 | SBT   | HOSE | Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa               | 50                |
| 156 | SCR   | HOSE | Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín                 | 40                |
| 157 | SCS   | HOSE | Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Sài Gòn                  | 40                |
| 158 | SGN   | HOSE | Công ty Cổ phần Phục vụ Mặt đất Sài Gòn                   | 20                |
| 159 | SHB   | HOSE | Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội                           | 50                |
| 160 | SHI   | HOSE | Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà                            | 20                |
| 161 | SHS   | HNX  | Công ty Cổ phần chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội              | 50                |
| 162 | SIP   | HOSE | CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG                                   | 50                |
| 163 | SJD   | HOSE | Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn                         | 30                |
| 164 | SJS   | HOSE | Công ty cổ phần SJ GROUP                                  | 40                |
| 165 | SKG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tàu cao tốc Superdong – Kiên Giang        | 20                |
| 166 | SMC   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại SMC                     | 20                |
| 167 | SSB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Nam Á                   | 50                |
| 168 | SSI   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI                           | 50                |
| 169 | STB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín           | 50                |
| 170 | SZC   | HOSE | Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức                         | 40                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                                | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|------------------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                                        | (6)               |
| 171 | TAL   | HOSE | Công ty cổ phần Đầu tư Bất động sản Taseco                 | 50                |
| 172 | TCB   | HOSE | Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam                          | 50                |
| 173 | TCH   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy         | 50                |
| 174 | TCM   | HOSE | Công ty Cổ phần Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công   | 50                |
| 175 | TCO   | HOSE | Cổ phiếu Công ty cổ phần TCO Holdings                      | 20                |
| 176 | TCX   | HOSE | Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương                      | 50                |
| 177 | TDM   | HOSE | Công ty Cổ phần Nước Thủ Dầu Một                           | 40                |
| 178 | TDP   | HOSE | CTCP Thuận Đức                                             | 30                |
| 179 | THD   | HNX  | Công ty CP Thaiholdings                                    | 50                |
| 180 | TIG   | HNX  | CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long                            | 30                |
| 181 | TIP   | HOSE | Công ty Cổ phần Phát triển Khu Công nghiệp Tín Nghĩa       | 20                |
| 182 | TLG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long                        | 50                |
| 183 | TNG   | HNX  | CTCP Đầu tư và Thương mại TNG                              | 40                |
| 184 | TPB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong                    | 50                |
| 185 | TRA   | HOSE | Công ty Cổ phần Traphaco                                   | 40                |
| 186 | TTA   | HOSE | Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Trường Thành | 40                |
| 187 | TV2   | HOSE | Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2                     | 30                |
| 188 | TVC   | HNX  | CTCP Tập đoàn Quản lý Tài sản Trí Việt                     | 40                |
| 189 | TVS   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt                     | 40                |
| 190 | VAB   | HOSE | Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Á                        | 50                |
| 191 | VC3   | HNX  | Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 3 - Vinaconex 3                | 40                |
| 192 | VCB   | HOSE | Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam                       | 50                |
| 193 | VCG   | HOSE | Tổng CTCP XNK và Xây dựng Việt Nam                         | 50                |
| 194 | VCI   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap                        | 50                |
| 195 | VCK   | HOSE | Công ty cổ phần Chứng khoán VPS                            | 50                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                                            | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|--------------------------------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                                                    | (6)               |
| 196 | VCS   | HNX  | Công ty cổ phần VICOSTONE                              | 40                |
| 197 | VDS   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt                  | 50                |
| 198 | VGC   | HOSE | Tổng Công ty Viglacera - CTCP                          | 50                |
| 199 | VGS   | HNX  | Công ty Cổ Phần Ống thép Việt Đức VGPIPE               | 20                |
| 200 | VHC   | HOSE | Công ty Cổ phần Vĩnh Hoàn                              | 50                |
| 201 | VHM   | HOSE | Công ty Cổ phần Vinhomes                               | 50                |
| 202 | VIB   | HOSE | Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam                        | 50                |
| 203 | VIC   | HOSE | Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần                    | 50                |
| 204 | VIP   | HOSE | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO                 | 30                |
| 205 | VIX   | HOSE | Công ty cổ phần Chứng khoán VIX                        | 50                |
| 206 | VJC   | HOSE | Công ty Cổ phần Hàng không VietJet                     | 50                |
| 207 | VND   | HOSE | Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT                   | 50                |
| 208 | VNM   | HOSE | Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam                           | 50                |
| 209 | VOS   | HOSE | Công ty Cổ phần Vận tải Biển Việt Nam                  | 30                |
| 210 | VPB   | HOSE | Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng                    | 50                |
| 211 | VPI   | HOSE | Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest                | 50                |
| 212 | VPL   | HOSE | CTCP Du Lịch và Thương Mại Vinpearl                    | 50                |
| 213 | VPX   | HOSE | Công ty cổ phần Chứng khoán VPBank                     | 50                |
| 214 | VRE   | HOSE | Công ty Cổ phần Vincom Retail                          | 50                |
| 215 | VSC   | HOSE | Công ty Cổ phần Container Việt Nam                     | 50                |
| 216 | VTO   | HOSE | Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VITACO                | 30                |
| 217 | VTP   | HOSE | Tổng công ty Cổ phần Bưu chính Viettel                 | 50                |
| 218 | VTZ   | HNX  | Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại Nhựa Việt Thành | 30                |
| 219 | VVS   | HOSE | Công ty cổ phần Đầu tư phát triển máy Việt Nam         | 50                |
| 220 | YEG   | HOSE | Công ty Cổ phần Tập đoàn Yeah1                         | 30                |

| STT | Mã CK | Sàn  | Tên Công ty                   | Tỷ lệ cho vay (%) |
|-----|-------|------|-------------------------------|-------------------|
| (1) | (2)   | (3)  | (4)                           | (6)               |
| 221 | GEL   | HOSE | Công ty Cổ phần Hạ Tầng Gelex | 50                |

**Ghi chú:**

1. Các cổ phiếu được phép giao dịch ký quỹ khác ngoài danh sách trên được xem như tỷ lệ cho vay (tính sức mua) là 0% (hay tỷ lệ ký quỹ là 100%).
2. TCSC bảo lưu quyền thay đổi tỷ lệ cho vay/tính sức mua/tỷ lệ tính tài sản và/hoặc bất kỳ giá trị nào trong danh sách trên mà không cần phải thông báo/được sự đồng thuận của khách hàng. Việc sắp xếp hay thay đổi này có thể dẫn đến yêu cầu nộp thêm tài sản thế chấp/lệnh gọi ký quỹ đối với tài khoản khách hàng.